

Bản án số: **85/2020/DS-PT**

Ngày: 29/7/2020

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc

Các Thẩm phán: 1/- Ông Nguyễn Văn Hải.

2/- Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Võ Quốc Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2019/DSST ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 162/2020/QĐPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H.** sinh năm: 1954. Địa chỉ: khu vực Thới An 4, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện ủy quyền: anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Lê Hồng Phong, khu vực 2, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (*Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2019*).

2. Bi đơn: Bà **Nguyễn Thị M.** sinh năm: 1974. Địa chỉ: khu vực Thới An 2, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị N.** sinh năm: 1962. Địa chỉ: khu vực Thới An 4, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Ủy quyền tham gia tố tụng cho: anh Lý Ngọc Th, sinh năm: 1997. Ngụ cùng địa chỉ (*văn bản ủy quyền ngày 27/7/2020*).

- Bà **Nguyễn Thị U.** sinh năm: 1963. Địa chỉ: khu vực Thới An 2, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Nguyễn Thị K.** sinh năm: 1964. Địa chỉ: ấp 2, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Bà **Nguyễn Thị Đ.** sinh năm: 1969.

- Ông **Nguyễn Thanh TN.** sinh năm: 1973.

Địa chỉ: khu vực Phúc Lộc 2, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

- **Văn phòng công chứng Th.** Địa chỉ: Quốc lộ 91, khu vực B, phường P, quận O, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Th - Công chứng viên.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn và bà Nguyễn Thị N: Luật sư L, Văn phòng Luật sư L Tuấn thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

4. Người làm chứng:

- Anh **Phạm Duy Huy Ph.** sinh năm: 1993. Địa chỉ: đường Nguyễn Chí Thanh, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Lê Hùng T1.** sinh năm: 1967. Địa chỉ: khu vực Thới An 4, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Nguyễn Văn ĐN** . sinh năm: 1959.

- Ông **Lê Văn G** . sinh năm: 1950.

- Ông **Bùi Công MH.** sinh năm: 1954.

- Ông **Nguyễn Văn G1.** sinh năm: 1966.

- Bà **Đỗ Thị Kim Y.** sinh năm: 1976.

- Bà **Võ Thị Kim B.** sinh năm: 1986

Cùng trú tại: khu vực Thới An 2, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thanh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thông qua người đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Anh T trình bày:

Cha mẹ của nguyên đơn, bị đơn là cụ Nguyễn Văn S (chết ngày 19/4/2006) và cụ Nguyễn Thị E (chết ngày 26/3/2019). Lúc sinh thời, cụ S và cụ E có 07 người con là: Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị U, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thanh TN; không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Quá trình chung sống, hai cụ tạo lập được phần đất có diện tích 1.086m² (đo đạc thực tế 472,1m²) thuộc thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 06 do cụ S (còn có tên Xuân) đứng tên Sổ mục kê, đất tọa lạc tại khu vực Thới An 4, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Cụ S chết không để lại di chúc, cụ E chết có để lại di chúc ngày 07/8/2017. Phần đất do bà H và bà M cùng quản lý sử dụng, nên bà H khởi kiện yêu cầu được hưởng thừa kế theo di chúc ½ diện tích là 236,05m² và chia theo pháp luật di sản còn lại của cụ S, mỗi người được 29,5m² (236,05m² : 8, trong đó có cụ E được hưởng 01 kỷ phần và ổn định cho bà H theo di chúc).

* Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về cha mẹ, các anh chị E và tài sản cha mẹ tạo lập là thửa đất số 1058 do cụ S đứng tên Sổ mục kê.

Hiện nay, bà đang quản lý sử dụng một phần thửa 1058 tại vị trí B + C theo trích đo số 33 ngày 04/5/2019. Bà không đồng ý chia di sản theo di chúc như yêu cầu của nguyên đơn. Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật và xin được ổn định sử dụng như hiện trạng đo đạc thực tế là 205,9m², đồng ý hoàn giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị U trình bày: thống nhất về cha mẹ, các anh chị E và di sản cha mẹ để lại là thửa đất số 1058 đo đạc thực tế 472,1m² như trên. Bà thống nhất chia di sản theo di chúc, phần còn lại chia theo pháp luật, đồng ý ổn định kỷ phần được hưởng cho bà H, không yêu cầu bà H trả giá trị.

+ Các bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Thanh TN trình bày: thống nhất về cha mẹ, anh chị E và di sản cha mẹ để lại như trên. Các đương sự yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và nhận giá trị tương ứng kỷ phần được hưởng.

+ Văn phòng Công chứng Th trình bày: ngày 07/8/2017 theo yêu cầu của đương sự thì bà Th là Công chứng viên của Văn phòng có đến địa chỉ khu vực Thới An 2, phường T để công chứng di chúc do cụ E lập. Tại thời điểm công chứng, cụ E hoàn toàn minh mẫn sáng suốt, có xác nhận của người chứng kiến nên yêu cầu xác định bản di chúc trên là hợp pháp.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số: 47/2019/DS-ST ngày 31/12/2019 đã tuyên:

1. Tuyên bố Di chúc do cụ Nguyễn Thị E lập, có công chứng ngày 07/8/2017 là hợp pháp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M.

Xác định:

- Người để lại di sản là: Cụ Nguyễn Văn S (chết năm 2006 không để lại di chúc) và cụ Nguyễn Thị E (chết năm 2019 có để lại di chúc).

- Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa số 1058 (diện tích thực tế là 472,1m²), tờ bản đồ số 6 do cụ Nguyễn Văn S (Xuân) đứng tên quyền sử dụng số mục kê đăng ký tại UBND phường Thuận An, đất tọa lạc tại khu vực Thới An 4, phường T, quận T, Tp Cần Thơ.

- Người hưởng thừa kế theo di chúc: bà Nguyễn Thị H.

- Hàng thừa kế thứ nhất (thừa kế theo pháp luật), gồm: bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thanh TN và bà Nguyễn Thị M.

* Di sản được xác định và phân chia như sau:

- Bà Nguyễn Thị H được toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 266,2m² (ODT) tại vị trí (A) theo Trích đo địa chính số: 33/TTKTTNMT ngày 04/5/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị H được quyền sở hữu cây trồng trên đất (tại vị trí (A) như trích đo địa chính) là 03 cây Sầu loại D.

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ tháo dỡ di dời mái che tạm có diện tích 21,12m² có kết cấu: khung gỗ tạp, mái tol, vách tol, nền xi măng + đất tại vị trí (A) theo trích đo địa chính.

- Bà Nguyễn Thị M được toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 205,9m² (ODT) tại vị trí (B), (C) theo Trích đo địa chính số: 33/TTKTTNMT ngày 04/5/2019 và tài sản gắn liền với đất.

Bà Nguyễn Thị M được quyền sở hữu cây trồng trên đất (tại vị trí (B), (C) như trích đo địa chính) gồm: 02 cây Xoài loại A, 02 cây Sao loại C, 01 cây Mít loại A và 03 cây Sầu loại D.

- Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị đất cho: bà Nguyễn Thị H số tiền 26.104.400đ và các bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thanh TN mỗi người số tiền 23.604.700đ.

Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị M được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, xác lập quyền sử dụng đất theo diện tích được sử dụng (kèm Trích đo địa chính số: 33/TTKTTNMT ngày 04/5/2019 và Biên bản thẩm định).

Ngoài ra bản án còn tuyên về việc chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, chi phí thẩm định định giá tài sản, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14/01/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị M và những người liên quan bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Thanh TN kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm triệu tập ông Phạm Duy Huy Ph tham gia tố tụng đối chất về việc làm chứng trong bản di chúc để tuyên bố di chúc do cụ Nguyễn Thị E lập ngày 07/8/2017 vô hiệu; xác định cụ E không có để lại di chúc để chia thừa kế theo pháp luật thừa đất 1058 mỗi người 1/7 là di sản do cha mẹ để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có kháng cáo xác định vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm; anh Phạm Duy Huy Ph xác định anh được Văn phòng Công chứng Th mời với tư cách người làm chứng đến tại nhà cụ Nguyễn Thị E để chứng kiến việc cụ E trực tiếp nêu nội dung cho Công chứng viên ghi chép, soạn thảo bản di chúc theo ý của cụ. Sau đó có đọc lại cho cụ E nghe, xác định đúng như ý của cụ và ký tên, điểm chỉ theo đúng quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn và bà Nguyễn Thị N cho rằng người làm chứng trong bản di chúc và người đại diện ủy quyền của nguyên đơn có mối quan hệ với Văn phòng Luật sư P nên việc anh Phạm Duy Huy Ph làm chứng trong di chúc là không khách quan. Đồng thời kết luận khám sức khỏe của cụ E cũng còn có vấn đề nghi ngờ, nên đề nghị xác định di chúc không hợp pháp để chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Giữa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn và Luật sư còn tranh luận một số tình tiết xoay quanh tính hợp pháp của bản di chúc.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: Đồng ý và Tòa án đã theo dõi đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: bị đơn và những người liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Do đó đồng ý bác kháng cáo, những sự án sẽ thêm vào kỷ phần thụ hưởng thừa kế của cụ S và hoàn trả giá trị theo giá thị trường mới phù hợp.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được hưởng thừa kế ½ di sản theo di chúc và thừa kế theo pháp luật phần còn lại của di sản là diện tích đất đo đạc thực tế 472,1m², tại thửa số 1058, tờ bản đồ số 06, do cha là cụ Nguyễn Văn S đứng tên Sổ mục kê. Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết xác định quan hệ “*Tranh*

chấp về thừa kế tài sản” theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U, Văn phòng Công chứng Th và những người làm chứng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

* Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn và những người liên quan bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Thanh TN kháng cáo 02 nội dung: một là, yêu cầu triệu tập ông Phạm Duy Huy Ph tham gia tố tụng để đối chất về việc làm chứng trong bản di chúc và tuyên bố di chúc do cụ Nguyễn Thị E lập ngày 07/8/2017 vô hiệu; hai là, xác định cụ Nguyễn Thị E không có để lại di chúc để chia thừa kế theo pháp luật thừa đất 1058 mỗi người 1/7.

Xét các nội dung kháng cáo, thấy rằng:

[2] Thứ nhất: Về tính hợp pháp của bản di chúc do cụ Nguyễn Thị E lập ngày 07/8/2017. Xét rằng, bản di chúc đã được công chứng theo quy định, nên căn cứ vào Luật Công chứng năm 2014 để đối chiếu, cụ thể:

[2.1] Cụ Nguyễn Thị E, sinh năm 1930 tức là đến thời điểm lập bản di chúc cụ đã 87 tuổi, nên việc cụ E yêu cầu Công chứng viên đến nhà để công chứng di chúc theo lời cụ trình bày và Công chứng viên ghi chép đánh máy lại là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 41 “*Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng*”; khoản 2 Điều 44 về “*Địa điểm công chứng*” và khoản 3 Điều 628, Điều 639 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Đề nghị báo cho việc xác định cụ E có năng lực hành vi dân sự khi lập di chúc khoản 2 Điều 56 Luật Công chứng quy định: “*Trường hợp công chứng viên nghi ngờ người lập di chúc bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức và làm chủ được hành vi của mình hoặc có căn cứ cho rằng việc lập di chúc có dấu hiệu bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép thì công chứng viên đề nghị người lập di chúc làm rõ...*”.

Thúc t Công chứng viên đã kiểm tra và cụ E đã xuất trình Giấy khám sức khỏe số 1738/GKSK-BVTN ngày 02/8/2017 của Bệnh viện Đa khoa quận Thút Nút với kết luận sức khỏe “*Loại V. Còn minh mẫn*” là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 40 Luật Công chứng: “*Trong trường hợp có căn cứ cho rằng trong hợp đồng yêu cầu công chứng có vấn đề chưa rõ, việc giao kết hợp đồng, giao dịch có dấu hiệu bị đe dọa, cưỡng ép, có sự nghi ngờ về năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu công chứng hoặc đối tượng của hợp đồng, giao dịch chưa được mô tả cụ thể thì công chứng viên đề nghị người yêu cầu công chứng làm rõ hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công chứng, công chứng viên tiến hành xác minh hoặc yêu cầu giám định...*”. Vì vậy, việc báo đến và người liên quan cho rằng thời điểm lập di chúc cụ E bị bệnh, không còn minh mẫn là không có căn cứ.

[2.3] Tại khoản 2 Điều 47 Luật Công chứng quy định: “*Trường hợp người yêu cầu công chứng không đến, không nghe đến, không ký, điếm chứng hoặc trong những trường hợp khác do pháp luật quy định thì việc công chứng phải có người làm chứng; Người làm chứng phải là người từ đủ 18 tuổi trở*

lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến việc công chứng; Người làm chứng do người yêu cầu công chứng mời, nếu người yêu cầu công chứng không mời được thì công chứng viên chấp thuận". Thời điểm lập bản di chúc ngày 07/8/2017 cụ E là người cao tuổi, nên có anh Phạm Duy Huy Ph là người không có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc làm chứng ký tên chứng kiến việc lập và công chứng di chúc là đúng quy định tại Điều 632, khoản 2 Điều 636 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4] Bên cạnh đó, để đảm bảo cho việc công chứng di chúc theo đúng quy định pháp luật đối với người cao tuổi, đề phòng trường hợp cho rằng người lập di chúc không viết được, không ký được nên Công chứng viên đã cho cụ E ký và điểm chỉ vào bản di chúc như quy định tại Điều 48 Luật Công chứng: "2. Việc điểm chỉ được thay thế việc ký trong trường hợp người yêu cầu công chứng, ... không ký được do khuyết tật hoặc không biết ký. Khi điểm chỉ, người yêu cầu công chứng, ... sẽ dùng ngón tay phải; nếu không điểm chỉ được bằng ngón tay phải thì điểm chỉ bằng ngón tay trái; trường hợp không thể điểm chỉ bằng hai ngón tay đó thì điểm chỉ bằng ngón khác và phải ghi rõ việc điểm chỉ đó bằng ngón nào, của bàn tay nào.

3. Việc điểm chỉ cũng có thể thực hiện bằng thời với việc ký trong các trường hợp sau đây:

- a) Công chứng di chúc;
- b) Theo đề nghị của người yêu cầu công chứng;
- c) Công chứng viên thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi cho người yêu cầu công chứng".

Đôi chiếu với các điều khoản luật đã viện dẫn, đề cập sẽ kết luận bản di chúc ngày 07/8/2017 của cụ Nguyễn Thị E là di chúc hợp pháp đúng quy định theo Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015. Nội dung kháng cáo yêu cầu tuyên bố bản di chúc vô hiệu là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Thứ hai: Về vấn đề hưởng di sản thừa kế, như đã phân tích và kết luận di chúc là hợp pháp nên bà Nguyễn Thị H được hưởng thừa kế theo di chúc, phần còn lại không có di chúc nên được phân chia theo pháp luật; cụ thể:

[3.1] Bản di chúc ngày 07/8/2017 của cụ Nguyễn Thị E ghi rằng:

"Hiện nay tôi có 50% tài sản tại tài sản sau đây:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 06, diện tích 1086m², địa chỉ thửa đất: Kv Thới An 4, P. T, Q. T, TP. Cần Thơ.

Nay trí óc còn minh mẫn, tinh thần còn sáng suốt, tôi lập di chúc này để quyết định rằng: sau khi tôi qua đời thì toàn bộ tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của tôi trong những tài sản nêu trên giao lại cho con gái ruột của tôi là Nguyễn Thị H, sinh năm 1954, CMND số 361.104.129 cấp tại Công an TP. Cần Thơ, Địa chỉ: Kv Thới An 4, P. T, Q. T, TP. Cần Thơ. Tôi chỉ định con gái tôi là Nguyễn Thị H được toàn quyền định đoạt, thừa hưởng tất cả các phần tài sản của tôi.

Ngoài ra, tôi giao cho con gái tôi là Nguyễn Thị H được toàn quyền thừa hưởng toàn bộ kỹ phần thừa kế theo pháp luật mà tôi thừa hưởng từ chồng tôi là ông Nguyễn Văn S....."

Như vậy, theo nội dung này thì bà H ngoài việc hưởng phần của cụ E là 50% tài sản, thì còn được hưởng cả phần mà cụ E thừa kế của chồng cũng di chúc lại cho bà H thụ hưởng. Bị đơn và những người liên quan kháng cáo yêu cầu được hưởng mỗi người 1/7 trong khối tài sản 472,1m² là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3.2] Về di sản thừa kế: mặc dù theo di chúc và theo Sổ mục kê thể hiện diện tích của thửa 1058 để lại thừa kế là 1.086m², nhưng đo đạc thực tế là 472,1m² và các đương sự cũng thống nhất phân chia theo diện tích thực tế này. Như vậy khối tài sản chung của cụ S, cụ E là $472,1\text{m}^2 : 2 = 236,05\text{m}^2$, phần của mỗi cụ là 50%; phần của cụ E di chúc cho bà H thụ hưởng; 50% còn lại 236,05m² là phần của cụ S (chết ngày 19/4/2006) sẽ được chia thừa kế cho vợ và 07 người con, phần của mỗi thừa kế là $236,05\text{m}^2 : 8 = 29,50625\text{m}^2$.

Kỷ phần của cụ E đã di chúc cho bà H thụ hưởng, nhưng cấp sơ thẩm vẫn nhập chung vào để chia làm 07 phần (mỗi phần 33,721m²) là không đúng nên cần phải điều chỉnh lại phần này. Như vậy, phần của bà H được thụ hưởng là: 236,05m² (50% của cụ E) + 29,50625m² (phần cụ E thừa kế của cụ S, di chúc cho bà H thụ hưởng) + 29,50625m² (phần của bà U thụ hưởng nhưng nhường quyền cho bà H) + 29,50625m² (phần bà H thụ hưởng); Tổng cộng bà H thụ hưởng là 324,56875m².

[3] Căn cứ vào Biên bản xE xét thẩm định tại chỗ ngày 16/01/2019 và Trích đo địa chính số: 33/TTKTTNMT ngày 04/5/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ thì: diện tích thực tế bà H đang sử dụng là 266,2m² tại vị trí (A), bà M đang sử dụng 205,9m² (175,8m² + 30,1m²) vị trí (B+C). Trong quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thống nhất ổn định diện tích của mỗi bên đang thực tế sử dụng, trường hợp người nào sử dụng thừa so với kỷ phần được hưởng thì có trách nhiệm trả giá trị kỷ phần cho người thừa kế và được hưởng thành quả cây trồng, công trình xây dựng trên đất thực nhận. Đây là sự tự nguyện của đương sự, cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp. Tuy nhiên theo Biên bản định giá tài sản ngày 28/8/2018 thể hiện giá đất theo giá nhà nước là 700,000đ/m², giá thị trường là 800.000đ/m². Cấp sơ thẩm lấy mức giá nhà nước để điều chỉnh là không phù hợp, mà cần phải áp giá thị trường để hoàn trả giá trị cho những thừa kế không nhận hiện vật mới đảm bảo quyền lợi cho họ. Vì vậy cũng cần phải sửa án sơ thẩm phần này. Như vậy:

+ Phần của bà H: 324,56875m² (phần thụ hưởng) – 266,2m² (diện tích thực tế đang sử dụng) = 58,36875m² (còn thiếu). Như vậy bà M có trách nhiệm trả thêm giá trị cho bà H: $58,36875\text{m}^2 \times 800.000\text{đ}/\text{m}^2 = 46.695.000\text{đ}$.

+ Phần của bà M: 205,9m² (diện tích thực tế đang sử dụng) – 29,50625m² (phần thụ hưởng) = 176,39375m² là phần sử dụng thừa so với kỷ phần thụ hưởng, nên bà M có trách nhiệm trả giá trị cho các đồng thừa kế gồm:

Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thanh TN mỗi người là: $29,50625\text{m}^2$ (phần thụ hưởng) $\times 800.000\text{đ}/\text{m}^2 = 23.605.000\text{đ}$.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó chấp nhận đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn và người

liên quan. Tuy nhiên có sửa một phần án sơ thẩm về kỷ phần thụ hưởng thừa kế và hoàn trả giá trị theo giá thị trường.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

[4] Về án phí phúc thẩm: kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, Điều 92, 147, 148, khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357, 612, 623, 630, 635, 636, 639, 649, 650, 651, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thanh TN; Sửa bản án sơ thẩm.

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

2/- Xác định Di chúc ngày 07/8/2017 do cụ Nguyễn Thị E lập là di chúc hợp pháp.

3/- Các đương sự được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa số 1058, diện tích thực tế là 472,1m², tờ bản đồ số 6, do cụ Nguyễn Văn S (Xuân) đứng tên Sổ mục kê; đất tọa lạc tại khu vực Thới An 4, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

+ Bà Nguyễn Thị H được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 324,56875m²; được ổn định 266,2m² (ODT) và được quyền sở hữu 03 cây Sầu loại D, tại vị trí (A) theo Trích đo địa chính số: 33/TTKTTNMT ngày 04/5/2019.

Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ hoàn trả thêm số tiền 46.695.000đ (giá trị 58,36875m² đất) cho bà H và tháo dỡ di dời mái che tạm có diện tích 21,12m² có kết cấu: khung gỗ tạp, mái tôn, vách tôn, nền xi măng + đất tại vị trí (A) theo trích đo địa chính.

+ Bà Nguyễn Thị M được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 29,50625m²; được ổn định 205,9m² (ODT) và tài sản gắn liền với đất; được quyền sở hữu 02 cây Xoài loại A, 02 cây Sao loại C, 01 cây Mít loại A và 03 cây Sầu loại D, tại vị trí (B+C) theo Trích đo địa chính số: 33/TTKTTNMT ngày 04/5/2019.

+ Bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Thanh TN mỗi người được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 29,50625m² bằng giá trị; bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ hoàn trả giá trị đất cho mỗi đương sự này số tiền: 23.605.000đ.

Kể từ khi người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm thanh toán tiền thì phải chịu lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

4/- Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị M được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo diện tích được sử dụng (kèm Trích đo địa chính số: 33/TTKTTNMT ngày 04/5/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

5/- Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được miễn án phí sơ thẩm, nên được nhận lại 4.300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 003533 ngày 07/11/2017 và biên lai số 011880 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt.

Bị đơn và những người liên quan bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thanh TN mỗi người phải nộp 1.180.000đ.

+ Về chi phí thẩm định, định giá: 9.400.000đ; nguyên đơn tự nguyện chịu 6.150.000đ; đã nộp tạm ứng và chi xong.

Phần còn lại 3.250.000đ bị đơn và những người liên quan chịu; nên bà M, bà Nhớ, bà Khéo, bà Đẹp, ông Tuấn mỗi người phải nộp trả lại cho bà H số tiền 650.000đ.

+ Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thanh TN mỗi người chịu 300.000đ; chuyển số tiền đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo của bà M biên lai số 011960, bà Nhớ biên lai số 011961, bà Đẹp biên lai số 011962, ông Tuấn biên lai số 011963 cùng ngày 14/01/2020 và bà Khéo biên lai số 011964 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt thành án phí phúc thẩm; các đương sự đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trở lại hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.Q.Thốt Nốt.
- Chi cục THADS. Thốt Nốt.
- Lưu (HS - 2b).

(đã ký)
Trần Tuấn Quốc